

Phụ lục 1:

QUY ĐỊNH NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, GẦN VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

*(Kèm theo Thông báo số: 20 /TB-ĐHTL-PH ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi)*

1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy:

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật công trình xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi, ngành Xây dựng công trình thủy của các trường đại học khác, các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật bờ biển, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công trình thủy điện của Trường Đại học Thủy lợi và các ngành học của các trường khác có bảng điểm tương đương, Kinh tế thủy lợi, Cấp thoát nước, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng và phát triển nông thôn, Thủy văn hoặc các ngành của trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Những thí sinh là đối tượng thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức các môn học sau *(nếu chưa học ở trình độ đại học)*:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Thủy lực công trình	2
2	Thủy văn công trình	2
3	Cơ học đất	2
4	Giới thiệu và cơ sở thiết kế công trình thủy	2
5	Đập và hồ chứa	3
6	Công trình trên hệ thống thủy lợi	2

2. Ngành Quản lý xây dựng:

- **Ngành đúng bao gồm:** Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi hoặc các ngành có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và các ngành ở các trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật tài nguyên nước của Trường Đại học Thủy lợi, Kinh tế xây dựng và các ngành kỹ thuật xây dựng công trình có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và các ngành của trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Máy xây dựng và thiết bị thủy lợi, Cấp thoát nước của Trường Đại học Thủy lợi hoặc những ngành học có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên ở các trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Những thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn sau *(nếu chưa học ở trình độ đại học)*:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Công nghệ xây dựng công trình bê tông	2
2	Công nghệ xây dựng công trình đất đá	2
3	Tổ chức và Quản lý xây dựng	2
4	Kinh tế xây dựng	2
5	Luật xây dựng	2

3. Ngành Kỹ thuật xây dựng

- **Ngành đúng bao gồm:** ngành Kỹ thuật công trình xây dựng của Trường Đại học Thủy lợi (*chuyên ngành kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp*), chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp của các Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Kiến trúc, Trường Đại học Giao thông vận tải, Trường Đại học Mỏ địa chất, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh và các ngành học ở các trường khối kỹ thuật có bảng điểm tương đương.

- **Ngành gần bao gồm:** các ngành/chuyên ngành khác của Khoa Công trình, ngành Công nghệ và quản lý xây dựng, chuyên ngành Công trình thủy, chuyên ngành Công trình cảng đường thủy, chuyên ngành Địa kỹ thuật, ngành Kỹ thuật công trình biển, ngành Thủy điện, ngành Công trình giao thông, ngành Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, ngành cấp thoát nước, ngành Địa kỹ thuật và công trình ngầm đô thị, chuyên ngành Vật liệu xây dựng và các ngành/chuyên ngành học của các trường khác có bảng điểm tương đương.

Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (*nếu chưa học trong chương trình đại học*):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3
2	Kết cấu nhà thép	3
3	Động lực học công trình	2
4	Sức bền Vật liệu 1	2
5	Sức bền Vật liệu 2	2
6	Cơ học Kết cấu 1	2
7	Cơ học Kết cấu 2	2

4. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

- **Ngành đúng:** Bao gồm ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Thủy lợi (*chuyên ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông*), chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, cầu đường của các Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, ngành Kỹ thuật công trình giao thông và các ngành học ở các trường khối kỹ thuật có bảng điểm tương đương.

- **Ngành gần:** Công nghệ và quản lý xây dựng, Công trình thủy, Công trình cảng đường thủy, Địa kỹ thuật, Kỹ thuật công trình biển, Thủy điện, Công trình giao

thông, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn, Cấp thoát nước, Địa kỹ thuật và công trình ngầm đô thị, Vật liệu xây dựng và các ngành của trường khác có bảng điểm tương đương. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Thiết kế hình học đường ô tô	2
2	Thiết kế nền đường	2
3	Thiết kế hình học và cảnh quan môi trường	2
STT	Môn học	Số tín chỉ
4	Đồ án thiết kế hình học và cảnh quan môi trường	1
5	Động lực học công trình	2
6	Thiết kế cầu bê tông cốt thép 1	2
7	Thiết kế cầu thép 1	2
8	Xây dựng cầu	2
9	Đồ án cầu bê tông cốt thép 1	1
10	Đồ án cầu thép 1	1

5. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước:

- **Ngành đúng bao gồm:** Cấp thoát nước, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng và phát triển nông thôn, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật công trình thủy, Thủy văn và tài nguyên nước và các ngành tương đương có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật công trình biển và các ngành kỹ thuật thuộc khối ngành xây dựng có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ học chất lỏng	3
2	Thủy văn công trình	3
3	Cấp thoát nước	3
4	Xử lý nước cấp hoặc Xử lý nước thải	3

6. Ngành Công nghệ thông tin

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông, Mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính, Tin học, Toán – Tin, Máy tính, Tin học quản lý, Thương mại điện tử, Kỹ nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin kinh tế, Truyền thông đa phương tiện,

Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, An toàn và bảo mật thông tin, Sự phạm tin học, Sự phạm công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Tin học công nghiệp.

- **Ngành gần bao gồm:** Toán, Toán cơ, Lý - Tin, Sinh - Tin, Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông, Kỹ thuật điện - Điện tử, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Điều khiển, Tự động hóa thiết kế cầu đường, Tự động hóa thiết kế cơ khí, Cơ điện tử, Điện tử viễn thông, Tin học môi trường, Trắc địa bản đồ, GIS viễn thám. Danh mục môn học bổ sung kiến thức cho các đối tượng này như sau:

TT	Tên môn học	Số tín chỉ
1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
2	Cơ sở dữ liệu	3
3	Ngôn ngữ lập trình nâng cao	3
4	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
5	Mạng máy tính	3
6	Hệ điều hành	3
7	Kiến trúc máy tính	3

Những trường hợp đặc biệt, số lượng tín chỉ học bổ sung kiến thức do Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa quyết định.

7. Ngành Quản lý kinh tế

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Kinh tế hoặc Kinh tế có định hướng chuyên ngành/ chuyên sâu về Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh.

- **Ngành gần bao gồm:** Kinh tế xây dựng, Kinh tế thủy lợi, Kinh tế giao thông, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị dịch vụ và du lịch, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng. Các ngành khác và là đối tượng tuyển sinh được chương trình ưu tiên hướng tới là các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp hiện đang nắm giữ các cương vị khác nhau trong cơ quan quản lý nhà nước, ban, ngành và các doanh nghiệp. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (nếu chưa học trong chương trình đại học):

TT	Tên môn	Số tín chỉ
1	Kinh tế học	3
2	Quản trị doanh nghiệp	3
3	Khoa học quản lý	2
4	Quản lý dự án	2
5	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
6	Marketing căn bản	3
7	Kinh tế quản lý	2

8. Ngành Quản trị kinh doanh

- **Ngành đúng, phù hợp bao gồm:** Các ngành thuộc khối ngành Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may) hoặc các ngành

có bảng điểm phù hợp với các ngành nêu trên và có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác dưới 10% khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Các ngành thuộc khối ngành Quản trị - Quản lý (*Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án*), khối ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (*Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm*), khối ngành Kế toán – Kiểm toán (*Kế toán, Kiểm toán*), khối ngành Quản lý công nghiệp (*Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng*), khối ngành Kinh tế học (*Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế*), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Các ngành khác và là đối tượng tuyển sinh được chương trình ưu tiên hướng tới là các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp hiện đang nắm giữ các cương vị khác nhau trong cơ quan quản lý nhà nước, ban, ngành và các doanh nghiệp. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (*nếu chưa học trong chương trình đại học*):

TT	Tên môn	Số tín chỉ
1	Nguyên lý thống kê	3
2	Kinh tế học	3
3	Kinh doanh quốc tế	3
4	Quản trị học	3
5	Quản trị marketing	3
6	Quản trị doanh nghiệp	3
7	Khởi sự kinh doanh	3

9. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước:

- **Ngành đúng bao gồm:** Kỹ thuật tài nguyên nước và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Thủy văn tài nguyên nước, Kỹ thuật công trình thủy, Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn hoặc tương đương và các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật công trình biển, Kỹ thuật môi trường và các ngành kỹ thuật thuộc khối ngành xây dựng có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành. Các thí sinh thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức và đạt các môn học sau (*nếu chưa học trong chương trình đại học*):

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Cơ học chất lỏng	3
2	Thủy văn công trình	3
3	Khoa học đất	2

STT	Môn học	Số tín chỉ
4	Quy hoạch và thiết kế hệ thống thủy lợi	3
5	Quản lý hệ thống công trình thủy lợi	3

Phụ lục 2:

THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Kèm theo Thông báo số:/TB-ĐHTL-PH ngày.....tháng.....năm 2025
của Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi)*

TT	Nội dung, yêu cầu	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	Tốt nghiệp đại học	70	70%
	- Loại xuất sắc	70	
	- Loại giỏi	65	
	- Loại khá	60	
	- Loại trung bình-khá	55	
	- Loại trung bình	50	
2	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường trở lên	10	10%
	- Có từ 5 bài trở lên	10	
	- Có từ 2 - 4 bài	7	
	- Có 01 bài	3	
3	Tham gia hoặc chủ nhiệm đề tài nghiên cứu	10	10%
	- Đề tài cấp Nhà nước	10	
	- Đề tài cấp Bộ /Thành phố/Tỉnh	7	
	- Đề tài cấp cơ sở	3	
4	Kinh nghiệm công tác (năm)	10	10%
	- Từ 10 năm trở lên	10	
	- Từ 5 - 9 năm	7	
	- Từ 2 – dưới 5 năm	5	
	- Dưới 2 năm	3	
	Tổng	100	100%

Phụ lục 3:

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC
CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG
TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300 - 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga		ТРКИ-1	ТРКИ-2

Phụ lục 4:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
PHÂN HIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Khoá Đợt.....năm 20.....

I. NGÀNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Ngày sinh: Nơi sinh:.....

Số CMND hoặc số CCCD:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày cấp: ____/____/____ Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại: Email:

Cơ quan công tác:

Năm bắt đầu công tác:

Đối tượng ưu tiên (nếu có):

III. THÔNG TIN VĂN BẰNG ĐẠI HỌC

Tốt nghiệp Trường Đại học:Năm:

Ngành học/ Chuyên ngành (tên ghi trên văn bằng):

Hệ đào tạo (chính quy/vừa làm vừa học/từ xa..):

Xếp loại tốt nghiệp:

IV. THÔNG TIN NGOẠI NGỮ

☐ Thí sinh thuộc diện dự kiểm tra ngoại ngữ (Anh văn)

☐ Thí sinh thuộc diện miễn ngoại ngữ

Loại bằng cấp, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có):.....

Ngày cấp: ____/____/____ Đơn vị cấp:

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ☐ Đánh dấu ✓ vào các ô phù hợp

Phụ lục 5:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
PHÂN HIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH

(Dùng cho hồ sơ đăng ký xét tuyển cao học)

Hình 3x4

*Nhớ đóng dấu
giáp lại của nơi
thi sinh đang làm
việc; hoặc nơi
đăng ký HKTT;
hoặc nơi tạm trú*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Họ và tên:
Ngày sinh: ____/____/____ - Nơi sinh:
Dân tộc: _____ - Tôn giáo:
Tên đơn vị công tác:.....
Bộ phận công tác (phòng, ban,...):
Chức vụ, nghề nghiệp:
Địa chỉ hộ khẩu thường trú (ghi rõ số nhà, thôn, ấp, đường, phường/xã; quận/huyện;
tỉnh/thành phố - ghi theo hộ khẩu):
.....
Địa chỉ tạm trú (nếu có):
Điện thoại bàn Điện thoại di động:
Địa chỉ email:
Đối tượng hưởng chính sách ưu tiên (Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tại các địa
phương được quy định là Khu vực 1; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ;
Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại địa phương được quy định là Khu vực 1;
Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công
nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực sinh hoạt, học tập –Xem mục 5 của Thông báo tuyển sinh):

Ghi chú: Nơi sinh: ghi
theo địa danh giấy khai
sinh, chỉ ghi tên tỉnh,
thành phố (trực thuộc
trung ương)

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

2.1. BẬC HỌC ĐẠI HỌC:

Trường tốt nghiệp (bậc đại học):
Loại hình đào tạo (Chính quy, Chuyên tu, VLVH, Mở rộng,.....):
Thời gian đào tạo: từ đến - Nơi tốt nghiệp:
Ngành tốt nghiệp (ghi theo văn bằng):
Xếp hạng tốt nghiệp (Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình khá, Trung bình):

2.2. TRÊN ĐẠI HỌC (nếu có):

Trường tốt nghiệp:
Loại bằng cấp (Thạc sĩ, tiến sĩ):.....
Ngày cấp: ____/____/____ Ngành tốt nghiệp (ghi theo văn bằng):
.....

III. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC CỦA BẢN THÂN

(ghi từ khi học đại học đến nay, nếu có đi làm cần ghi luôn nơi công tác):

Ngày tháng năm	Học tại trường (viện, cơ sở đào tạo), nơi công tác tại đâu?	Thành tích học tập, làm việc (nếu có)

IV. LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan các nội dung sau (đánh dấu ✓ vào các ô vuông bên dưới)

- ☐ Tôi cam đoan có đủ sức khỏe để theo học chương trình đào tạo thạc sĩ.
- ☐ Tôi cam đoan hiện không bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.
- ☐ Tôi cam đoan những lời khai trong Lý lịch này là đúng sự thật, nếu có điều gì sai trái tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CƠ QUAN XÁC NHẬN

(Ký tên và đóng dấu của nơi thí sinh đang làm việc;
hoặc nơi đăng ký HKTT; hoặc nơi tạm trú)

....., ngàythángnăm 20.....

Người khai lý lịch

(Ký tên, ghi rõ họ tên)